

Hanoi, 13th June 2024

LETTER OF INQUIRY
THƯ MỜI BÁO GIÁ

To: Prospective suppliers of overseas-produced coal

Kính gửi: Các nhà cung cấp than nhập khẩu

First of all, we, Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company - would like to send our respectful greetings to your company.

Lời đầu thư, Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin xin được gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng.

Currently, our company is in need of learning about the price of overseas-produced coal with typical Net calorific value of 4,800 kcal/kg (ARB) supplied to the Vietnamese market to serve our market research. By this letter, we respectfully request that your company provide us with a quotation for the type of coal that we are interested in. We enclose the following quality specifications of coal types and conditions of coal supply for your convenience in quoting and providing information.

Hiện tại, Công ty chúng tôi đang có nhu cầu tìm hiểu về giá chủng loại than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng tịnh điển hình 4.800 kcal/kg (cơ sở nhận) cung cấp cho thị trường Việt Nam để phục vụ cho công tác nghiên cứu thị trường. Qua thư này, chúng tôi trân trọng đề nghị Quý công ty cung cấp cho chúng tôi báo giá chủng loại than mà chúng tôi đang quan tâm. Chúng tôi gửi kèm theo sau đây quy cách chất lượng của chủng loại than và các điều kiện cung cấp than để Quý công ty thuận tiện trong việc báo giá và cung cấp thông tin.

Time for receiving quotation: Until the end of 15th June 2024.

Thời gian nhận báo giá: Đến hết ngày 15/06/2024.

Looking forward to hearing from you soon!

Rất mong sớm nhận được hồi âm của Quý công ty!

Best regards!

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng Giám đốc (e-copy, b/c);
- P.TGD: H.M.Long (e-copy);
- Lưu: VT, KD.

ON BEHALF OF G. DIRECTOR
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Hoàng Minh Long

INFORMATION FOR QUOTATION
THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

- Type of coal: Overseas-produced coal with typical Net calorific value of 4,800 kcal/kg (ARB);

- *Chủng loại than: Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng tịnh điển hình 4.800 kcal/kg (cơ sở nhận);*

- Quality specification:

- *Quy cách chất lượng:*

No. STT	Specification Chỉ tiêu kỹ thuật	Basis (ISO or ASTM standards) Cơ sở phân tích (theo tiêu chuẩn ISO hoặc ASTM)	Typical value Giá trị điển hình	Rejection Từ chối
1	Total Moisture Độ ẩm toàn phần	As received basis Cơ sở nhận	10% 10%	Above 13% Trên 13%
2	Inherent Moisture Nội ẩm	Air dried basis Cơ sở khí khô	1.5-2% 1,5-2%	None Không
3	Net Calorific Value Nhiệt năng tịnh	As received basis Cơ sở nhận	4,800 kcal/kg 4.800 kcal/kg	Under 4,600 kcal/kg Dưới 4.600 kcal/kg
4	Ash Content Độ tro	As received basis Cơ sở nhận	30-35% 30-35%	Above 35% Trên 35%
5	Total Sulphur Lưu huỳnh	As received basis Cơ sở nhận	0.6% 0,6%	Above 1% Trên 1%
6	Volatile Matter Chất bốc	As received basis Cơ sở nhận	8% 8%	Above 10% Trên 10%
7	Fe ₂ O ₃ Fe ₂ O ₃	Dry basis Cơ sở khô	4-6% 4-6%	Above 8% Trên 8%
8	H	As received basis Cơ sở nhận	2.5% 2,5%	Above 3% Trên 3%
9	Size 0-50mm Cỡ hạt 0-50 mm		95% 95%	None Không
10	SiO ₂ /Al ₂ O ₃		2 2	Above 2.6 Trên 2,6
11	HGI HGI		45-80 45-80	None Không
12	Ash fusion temperature (in reducing environment): T1 (Initial Deformation) and T3 (Hemispherical) Nhiệt độ nóng chảy của tro (trong môi trường khử) T1 (Biến dạng ban đầu) T3 (Bán cầu)		T1 ≥ 1,250°C T3 ≥ 1,400°C T1 ≥ 1.250°C T3 ≥ 1.400°C	T1 < 1,250°C T3 < 1,400°C T1 < 1.250°C T3 < 1.400°C

- Origin: [to be specified];
- Xuất xứ: [ghi rõ];
- Quantity: [to be specified as Supplier's supply capacity];
- Khối lượng: [ghi rõ theo khả năng cung cấp của Nhà cung cấp];
- Delivery time at the place of discharge: No later than 30th September 2024;
- Thời gian giao hàng tại địa điểm dỡ hàng: Không muộn hơn 30/09/2024;
- Place: Import to Hon La port, Quang Binh, Vietnam.
- Địa điểm: Nhập khẩu về cảng Hòn La, Quảng Bình, Việt Nam.
- Term of delivery: DPU Hon La port, Quang Ninh, Viet Nam (Incoterms 2020).
- Điều kiện cơ sở giao hàng: DPU cảng Hòn La, Quảng Bình, Việt Nam theo Incoterms 2020.

- Adjustment for DPU unit price according to actual Net calorific value (ARB) according to analysis result at the place of loading:

- Điều chỉnh đơn giá DPU theo nhiệt năng tịnh (cơ sở nhận) thực tế theo kết quả giám định tại địa điểm xếp hàng:

Adjusted DPU unit price = Base Unit Price up to the first import border gate x (Actual Net Calorific Value (ARB)/4,800 kcal/kg) + Freight, quarantine fees, infrastructure fees, insurance (if any) and other costs incurred in Vietnam.

Đơn giá DPU điều chỉnh = Đơn giá cơ sở đến cửa khẩu nhập đầu tiên x (Nhiệt năng tịnh thực tế (cơ sở nhận)/4.800 kcal/kg) + Cước vận chuyển, phí kiểm dịch, phí hạ tầng, bảo hiểm (nếu có) và các chi phí khác phát sinh tại Việt Nam.

In case the Actual Net Calorific Value (ARB) is higher than 5,100 kcal/kg, Actual Net Calorific Value (ARB) shall be calculated as 5,100 kcal/kg.

Trường hợp nhiệt năng tịnh thực tế (cơ sở nhận) cao hơn quá 5.100 kcal/kg thì tính bằng 5.100 kcal/kg.

Notes/Ghi chú:

Please provide detailed calculation of unit price as follows/ Đề nghị nhà cung cấp báo giá chi tiết như sau:

DPU Base Unit price: USD ____/MT, in which:

Đơn giá DPU cơ sở: ____ USD/tấn, trong đó:

Base Unit Price up to the first import border gate (____[specify the first import border gate]): USD ____/MT.

Đơn giá cơ sở đến cửa khẩu nhập đầu tiên (____[ghi rõ cửa khẩu nhập đầu tiên]): ____ USD/tấn.

Freight, quarantine fees, infrastructure fees, insurance (if any) and other costs incurred in Vietnam: USD ____/MT.

Cước vận chuyển, phí kiểm dịch, phí hạ tầng, bảo hiểm (nếu có) và các chi phí khác phát sinh tại Việt Nam: ____ USD/tấn.

